

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Dương Quý Nam

**ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH,
PHÁT TRIỂN VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Chính trị học

Mã số: 9310201.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Hà Nội - 2025

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và
Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

Luận án sẽ được bảo vệ trước

Phản biện:

.

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc
gia chấm luận án tiến sĩ họp tại

.....

vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đối thoại chính trị là một trong những phương thức đặc trưng và vô cùng quan trọng để các quốc gia, các tổ chức chính trị, các lực lượng tìm được tiếng nói chung, sự đồng thuận trong giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế. Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, Đối thoại Shangri-La (ĐTSL) đã có sự lớn mạnh về quy mô và tầm mức, ngày càng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong thúc đẩy đối thoại về an ninh khu vực và quốc tế, đóng góp tích cực vào tăng cường hợp tác, xây dựng lòng tin của các quốc gia khu vực vì mục tiêu hòa bình, ổn định, phát triển thịnh vượng chung ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Cơ chế này cũng là cơ hội chiến lược để các quốc gia, đặc biệt là các nước vừa và nhỏ như Việt Nam khẳng định vị thế trên trường quốc tế, duy trì hiện diện chiến lược và tham gia vào quá trình định hình các chuẩn mực ứng xử an ninh khu vực.

Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn gia tăng, sự hiện diện của Việt Nam tại ĐTSL không chỉ mang tính quyền lợi mà còn là yêu cầu khách quan mang tầm vóc chiến lược, gắn với thực hiện chính sách Quốc phòng bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Từ kỳ hội nghị đầu tiên đến nay, Việt Nam luôn là thành viên tích cực, có trách nhiệm, chủ động đóng góp vào thành công chung của ĐTSL với dấu ấn nổi bật về thúc đẩy lòng tin chiến lược. Thông qua đó, Việt Nam đã khẳng định đường lối đối ngoại, góp phần duy trì môi trường hòa bình và ổn định, hợp tác cùng phát triển ở khu vực và toàn cầu; mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với các nước, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và Quân đội Nhân dân Việt Nam trên trường quốc tế, giúp Việt Nam

luôn ở thế chủ động, ngăn ngừa, giảm thiểu tiêu cực của những tác động an ninh bên trong và bên ngoài, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, Việt Nam cũng gặp phải không ít khó khăn trong quá trình tham gia cơ chế này. Thêm vào đó, thời gian gần đây, triển vọng phát triển của ĐTSL đang là một câu hỏi đối với các nước tham gia, nhất là trước sự nổi lên của các diễn đàn đa phương do các nước lớn ở khu vực chủ trì. Việc đưa ra một nghiên cứu toàn diện, mang tính hệ thống về ĐTSL, đánh giá đúng đắn, tham mưu và khuyến nghị chính sách phù hợp về sự tham gia của Việt Nam vào những định chế như ĐTSL vừa là nhiệm vụ về chính sách, vừa là yêu cầu chiến lược, góp phần thiết thực trong triển khai thực hiện các mục tiêu của Đảng, Nhà nước và Quân đội về đối ngoại, đối ngoại quốc phòng, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia-dân tộc trong quá trình Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng. Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh quyết định lựa chọn đề tài *“Đối thoại Shangri-La: Quá trình hình thành, phát triển và sự tham gia của Việt Nam”* làm luận án tiến sĩ ngành Chính trị học.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của Luận án là chỉ ra cơ sở lý luận, phân tích, làm rõ quá trình hình thành, phát triển của ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam tại các kỳ ĐTSL từ năm 2002 đến nay và đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả tham gia vào ĐTSL của Việt Nam trong giai đoạn tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, Luận án xác định các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau: Một là, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam; phân

tích kết quả nghiên cứu liên quan đến luận án; chỉ ra khoảng trống và các vấn đề luận án tập trung nghiên cứu. *Hai là*, làm rõ cơ sở lý luận về ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam. *Ba là*, phân tích quá trình hình thành, phát triển của Đối thoại Shangr-La và đưa ra một số dự báo. *Bốn là*, làm rõ sự tham gia của Việt Nam tại cơ chế này từ năm 2002 đến nay, chỉ ra những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra. *Năm là*, đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả tham gia vào ĐTSL của Việt Nam trong giai đoạn tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam vào cơ chế đối thoại này.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi thời gian: Luận án chọn phạm vi thời gian nghiên cứu từ năm 2002 đến thời điểm cuối năm 2025. *Phạm vi không gian:* Khu vực châu Á-Thái Bình Dương (gắn với phạm vi hoạt động của ĐTSL) và Việt Nam; đồng thời mở rộng ra các khu vực khác. *Phạm vi về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu bối cảnh tình hình tác động tới sự ra đời, phát triển của ĐTSL và quá trình Việt Nam tham gia ĐTSL, những kết quả nổi bật và các vấn đề đặt ra đối với ĐTSL và Việt Nam, hàm ý chính sách cho Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; các lý thuyết chính trị, quan hệ quốc tế như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa đa

phương, ngoại giao kênh 1.5, lý thuyết quốc gia nhỏ và và chiến lược ứng xử trong cơ chế đa phương.

4.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu

Luận án xác định các câu hỏi nghiên cứu sau: (1) Trong tiến trình tham gia ĐTSL từ 2002 đến 2025, Việt Nam đã theo đuổi những vai trò quốc tế nào và chúng đã thay đổi ra sao qua các giai đoạn? (2) Thông điệp chính sách quốc phòng - an ninh của Việt Nam tại ĐTSL phản ánh những thay đổi nào trong tư duy chiến lược và định vị chính trị quốc tế? (3) ĐTSL có ảnh hưởng như thế nào đến quá trình xây dựng hình ảnh Việt Nam như một quốc gia ủng hộ luật lệ, chủ quyền và hợp tác đa phương? (4) Các phát biểu và hoạt động song phương của Việt Nam tại Shangri-La đã được phản ánh trong truyền thông và chính sách trong nước như thế nào? (5) Việt Nam có thể tối ưu hóa hiệu quả tham gia ĐTSL ra sao trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ngày càng gay gắt?

Luận án đưa ra các giả thuyết nghiên cứu sau: (1) ĐTSL chuyển biến từ một diễn đàn trao đổi chính sách quốc phòng - an ninh sang một không gian cạnh tranh chiến lược, nơi các nước lớn định hình diễn ngôn và trật tự an ninh khu vực. (2) Dù không có tính ràng buộc pháp lý, ĐTSL vẫn có ảnh hưởng đáng kể đến môi trường an ninh khu vực thông qua việc gửi tín hiệu chiến lược, định hình nhận thức và thúc đẩy tương tác chính sách. (3) Việt Nam sử dụng ĐTSL như một công cụ ngoại giao quốc phòng để khẳng định lập trường độc lập, tự chủ, ủng hộ luật pháp quốc tế và nâng cao vị thế trong cấu trúc an ninh khu vực. (4) Hiệu quả tham gia ĐTSL của Việt Nam phụ thuộc vào cả bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và mức độ chủ động, năng lực chiến lược của Việt Nam trong khai thác cơ chế đa phương.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện dựa trên phương pháp luận nghiên cứu chính trị học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp luận nghiên cứu liên ngành, các lý thuyết quan hệ chính trị quốc tế về đối thoại và an ninh, địa chính trị và các lý thuyết liên quan khác. Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính: lịch sử; thống kê và xử lý dữ liệu; phân tích-tổng hợp; so sánh; dự báo.

5. Những đóng góp mới của luận án

Một là, luận án góp phần nghiên cứu một cách có hệ thống cơ sở lý luận về ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam. *Hai là*, góp phần làm rõ một số thành tựu, hạn chế, xu hướng phát triển của ĐTSL, quá trình Việt Nam tham gia và nguyên nhân; chỉ ra những vấn đề đặt ra đối với ĐTSL và Việt Nam khi tham gia cơ chế này. *Ba là*, góp phần làm rõ sự cần thiết và rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp để Việt Nam tham gia ĐTSL có hiệu quả. *Bốn là*, luận án là công trình đầu tiên tại Việt Nam áp dụng phối hợp ba hướng tiếp cận: lý thuyết quốc gia nhỏ, diễn ngôn an ninh và ngoại giao phòng ngừa để phân tích hành vi của Việt Nam trong cơ chế ĐTSL.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận để lý giải những bước phát triển của ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam; hệ thống hóa, cụ thể hóa các thông tin, dữ liệu, xây dựng bức tranh tổng thể, có hệ thống về thực tiễn quá trình hình thành, phát triển của ĐTSL, quá trình tham gia của Việt Nam; củng cố các luận cứ khoa học cho công tác hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác chính trị đối ngoại; Các phân tích, đánh giá và khuyến nghị có thể được vận dụng vào thực tiễn hoạt động hoạch định chính sách. Những kiến thức và trải nghiệm thu được sẽ được tác giả sử dụng trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và công tác thực tiễn.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án bao gồm 4 chương và 12 tiết: Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam; Chương 2. Cơ sở lý luận về ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam; Chương 3. Quá trình hình thành và phát triển của ĐTSL; Chương 4. Sự tham gia của Việt Nam tại các kỳ ĐTSL và khuyến nghị chính sách.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nghiên cứu về Đối thoại Shangri-La

Sự hình thành và phát triển của ĐTSL được các nhà khoa học bàn đến khá nhiều dưới các góc độ khác nhau, có thể chia thành các nhóm tài liệu: (i) Quá trình hình thành, phát triển của ĐTSL và mối liên hệ với bối cảnh khu vực, quốc tế; (ii) Vai trò, tầm quan trọng và tác động của ĐTSL đối với cấu trúc an ninh khu vực; (iii) Một số thách thức, hạn chế của ĐTSL; (iv) Sự tham gia của các quốc gia.

1.1.2. Nghiên cứu về sự tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-La

Sự tham gia của Việt Nam tại các kỳ ĐTSL được quan tâm và thảo luận trong cộng đồng học thuật và chính sách, nhưng chủ yếu là giới học giả Việt Nam. Một số kết quả nghiên cứu tiêu biểu chính sau: (i) Quá trình tham gia của Việt Nam tại ĐTSL; (ii) Ý nghĩa và kết quả của Việt Nam khi tham gia ĐTSL; (iii) Hạn chế, thách thức và đề xuất, khuyến nghị cho Việt Nam.

1.2. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

1.2.1. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu

**** Các vấn đề đã được giải quyết***

Về nguồn tư liệu: Số lượng các công trình nghiên cứu tổng quan về ĐTSL tương đối phong phú, đa dạng của nhiều tác giả từ nhiều quốc gia trên thế giới. Sự tham gia của Việt Nam tại ĐTSL đã được đề cập ở nhiều bài viết, nhất là của các tác giả trong nước.

Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu: Các nghiên cứu về ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau với nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau.

Về nội dung nghiên cứu: Các công trình nghiên cứu đã cung cấp hệ thống tri thức đa dạng, phong phú, giàu tính học thuật; phân tích, đề cập nhiều khía cạnh khác nhau liên quan trực tiếp đến ĐTSL và sự tham gia của Việt Nam, phần nào làm rõ được thực tiễn công tác đối ngoại và đối ngoại quốc phòng của Việt Nam.

**** Những vấn đề chưa được giải quyết***

Về phạm vi nghiên cứu, nhiều công trình đã ra đời cách đây nhiều năm, do đó những thông tin tri thức và phương pháp tiếp cận cần được tiếp tục cập nhật và hoàn thiện.

Về nội dung, các bài viết về ĐTSL có tính trùng lặp cao, chỉ đề cập một số khía cạnh riêng lẻ, nổi bật của hội nghị, chưa kết hợp phân tích tổng thể các yếu tố như lý thuyết chủ nghĩa đa phương, đặc trưng ngoại giao Kênh 1.5, cùng với thực tiễn chính sách đối ngoại-quốc phòng của Việt Nam. Các nghiên cứu về sự tham gia của Việt Nam chủ yếu do tác giả trong nước thực hiện, số lượng tương đối ít, chưa gắn chặt với sự đổi mới tư duy của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng.

Về phương pháp nghiên cứu, một số công trình chưa thể hiện rõ cách tiếp cận dựa trên phương pháp nghiên cứu chính trị học với việc tập trung khai thác phương diện chính trị - an ninh và quan hệ chính trị quốc tế.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Thứ nhất, làm rõ nội hàm một số khái niệm quan trọng, cách tiếp cận và khung lý thuyết triển khai đề tài. Trong đó, tập trung làm rõ khái niệm về đối thoại, cơ chế đối thoại trong nghiên cứu chính trị quốc tế; các lý thuyết giải thích sự hình thành của ĐTSL như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa đa phương, ngoại giao kênh 1.5, lý thuyết quốc gia nhỏ, được phân tích dưới góc nhìn kết hợp giữa lý luận và thực chứng. *Thứ hai*, phân tích sự hình thành, phát triển, dự báo xu hướng phát triển của ĐTSL. *Thứ ba*, luận giải những nội dung cơ bản về sự tham gia của Việt Nam vào ĐTSL về quá trình, nội dung, định hướng tham gia, tập trung vào thành phần tham gia (số lượng, cấp tham dự); chủ đề và ý kiến, quan điểm; hoạt động bên lề, kết quả tham gia; kết quả đạt được và đóng góp. *Thứ tư*, phân tích thực trạng và nhận diện những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi tham gia ĐTSL, thành tựu, hạn chế và nguyên nhân; làm rõ thách thức và rút ra bài học kinh nghiệm. *Thứ năm*,

khuyến nghị giải pháp để Việt Nam tham gia có hiệu quả ĐTSL và cơ chế đa phương quốc tế, khu vực.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA VÀ SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM

2.1. Khái niệm “đối thoại” và cơ chế đối thoại trong chính trị quốc tế

2.1.1. Khái niệm “đối thoại”

Thuật ngữ “đối thoại” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp διάλογος (đối thoại, hội thoại); nguồn gốc của nó là διά (dia: thông qua) và λόγος (logos: lời nói, lý trí). Theo Plato, đây là thuật ngữ gắn liền với nghệ thuật biện chứng. Tiếng Latinh lấy từ này làm đối thoại.

2.1.2. Cơ chế đối thoại trong chính trị quốc tế

Cơ chế đối thoại trong nghiên cứu chính trị quốc tế là một hệ thống tổ chức các hoạt động tham vấn, thương lượng và trao đổi giữa các chủ thể quốc tế (quốc gia, tổ chức liên chính phủ, nhóm lợi ích...) được định hình bởi các quy trình, quy tắc và thiết chế cụ thể, nhằm tạo lập sự hiểu biết lẫn nhau, giải quyết bất đồng, thúc đẩy hợp tác chiến lược hoặc định hình trật tự chính trị-an ninh khu vực.

2.2. Sự hình thành của Đối thoại Shangri-La từ góc nhìn của một số lý thuyết trong quan hệ chính trị quốc tế

2.2.1. Chủ nghĩa hiện thực

Việc tổ chức ĐTSL được xem là một cách tiếp cận hiện thực và có giá trị để giúp các quốc gia trong khu vực đạt được sự ổn định an ninh, song các cam kết được đưa ra tại diễn đàn cần được nhìn nhận, đánh giá kỹ lưỡng.

2.2.2. Chủ nghĩa tự do

Từ góc độ chủ nghĩa tự do, ĐTSL và các cơ chế đối thoại khác,

giúp thúc đẩy đối thoại, minh bạch chính sách, hiểu biết lẫn nhau và tạo cơ hội cho hợp tác giữa các quốc gia. Sự tham gia của Việt Nam cũng có thể được phân tích thông qua các nguyên tắc tự do.

2.2.3. Chủ nghĩa kiến tạo

Theo cách tiếp cận của chủ nghĩa kiến tạo, ĐTSL có thể được đánh giá và cải thiện hiệu quả. Việc lãnh đạo Bộ Quốc phòng và Quân đội của hàng chục quốc gia châu Á - Thái Bình Dương cùng có mặt tại ĐTSL hàng năm là cơ hội rất thuận lợi để các bên thảo luận, trao đổi ý tưởng và đề ra những sáng kiến hợp tác nhằm giải quyết các thách thức an ninh chung của khu vực. Sự tham gia của Việt Nam cũng có thể được hiểu dưới góc độ chủ nghĩa kiến tạo.

2.2.4. Chủ nghĩa đa phương trong quan hệ quốc tế hiện đại

Đối với các cơ chế như ĐTSL - vốn mang tính chất đa phương không chính thức - việc vận dụng chủ nghĩa đa phương như một khung lý luận là hết sức cần thiết để lý giải tính chất, vai trò và hành vi của các quốc gia, đặc biệt là các nước vừa và nhỏ như Việt Nam.

2.2.5. Ngoại giao Kênh 1.5 (Track 1.5 Diplomacy) và ứng dụng trong Đối thoại Shangri-La

ĐTSL là ví dụ điển hình cho mô hình đối thoại Track 1.5 trong lĩnh vực an ninh khu vực. Dù có sự hiện diện của các Bộ trưởng Quốc phòng và tướng lĩnh quân đội, nhưng ĐTSL không thuộc khuôn khổ thể chế liên chính phủ, không có tuyên bố chung hay nghĩa vụ pháp lý bắt buộc.

2.2.6. Lý thuyết quốc gia nhỏ và chiến lược ứng xử trong cơ chế đa phương

Trong các diễn đàn như ĐTSL - nơi diễn ra cạnh tranh quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc - các quốc gia nhỏ thường chọn lập trường trung dung, tập trung vào lợi ích an ninh chung như chống

khủng bố, an ninh biển, hợp tác nhân đạo, an ninh mạng, thay vì can dự vào các tranh chấp cường quyền.

2.3. Nền tảng tư tưởng - lý luận chính trị về sự tham gia Đối thoại Shangri-La của Việt Nam

2.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh và sự phát triển lý luận đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới

Về mặt lý luận, tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại bao gồm bốn trụ cột cơ bản: (i) thế giới quan và cách nhìn về cục diện quốc tế; (ii) nhận thức về đối tác và đối tượng; (iii) mục tiêu tối thượng của hoạt động đối ngoại; và (iv) nguyên tắc, phương thức triển khai đối ngoại. Những nội dung này được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, điều chỉnh và phát triển trong điều kiện hậu Chiến tranh Lạnh, toàn cầu hóa và cạnh tranh quyền lực lớn ngày càng gia tăng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

2.3.2. Nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam trong tham gia Đối thoại Shangri-La

Các nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam được khái quát thành năm nhóm nguyên tắc cốt lõi, phản ánh rõ logic chính trị học trong hành vi tham gia ĐTSL: (i) nguyên tắc độc lập, tự chủ gắn với lợi ích quốc gia - dân tộc; (ii) nguyên tắc hòa bình, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và chống can thiệp; (iii) nguyên tắc đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động hội nhập quốc tế; (iv) nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại với quốc phòng - an ninh; (v) nguyên tắc xây dựng lòng tin chiến lược và kiên trì đối thoại.

Chương 3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA

3.1. Bối cảnh, mục đích ra đời của Đối thoại Shangri-La

3.1.1. Bối cảnh ra đời của Đối thoại Shangri-La

Cuộc tấn công khủng bố vào Mỹ ngày 11/9/2001 đã đánh dấu một giai đoạn mới trong quan hệ quốc tế, làm thay đổi nước Mỹ và cả thế giới. Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, giai đoạn từ sau Chiến tranh Lạnh đến năm 2002, Mỹ giữ vị trí lãnh đạo và siêu cường số một. Trung Quốc bắt đầu phát triển mạnh mẽ, ASEAN có vai trò ngày càng tăng. Châu Á - Thái Bình Dương thu hút sự quan tâm và điều chỉnh chiến lược của các nước lớn.

3.1.2. Mục đích ra đời của Đối thoại Shangri-La

Viện Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (IISS) nhận thấy cơ hội lấp vào khoảng trống quyền lực quan trọng tại châu Á - Thái Bình Dương. ĐTSL đáp ứng nhu cầu cạnh tranh ảnh hưởng tại châu Á của các cường quốc thế giới. ĐTSL cung cấp cơ hội đối thoại để các quốc gia ở khu vực, gồm các nước nhỏ nhằm quản lý rủi ro, tìm kiếm cơ hội hợp tác để xử lý các thách thức an ninh trong khu vực.

3.2. Các giai đoạn phát triển của Đối thoại Shangri-La

3.2.1. Giai đoạn hình thành và tạo tiếng vang (2002 - 2011)

Trong giai đoạn đầu, sự ủng hộ mạnh mẽ của Mỹ và một số nước đồng minh quan trọng như Nhật Bản, Australia và nước chủ nhà Singapore là yếu tố quan trọng, tiên quyết tạo ra sức hút ngày càng lớn cho ĐTSL. Quan hệ tốt đẹp giữa Trung Quốc với Mỹ và phương Tây dẫn đến việc Trung Quốc tham gia ĐTSL với cấp ngày càng cao.

3.2.2. Giai đoạn chứng kiến xu thế đẩy mạnh tiến công ngoại giao và tập hợp lực lượng của Mỹ (2011 - 2018)

Từ năm 2011 đến 2018, Mỹ và phương Tây ở thế tiến công mạnh mẽ, đẩy Trung Quốc vào thế phòng thủ bị động trong các kỳ ĐTSL, khiến Trung Quốc dần hạ cấp tham dự.

3.2.3. Giai đoạn Trung Quốc phản công trước sức ép từ Mỹ và phương Tây (2019 - 2025)

ĐTSL chứng kiến sự gia tăng các động thái của Trung Quốc nhằm phản công lại Mỹ: Trung Quốc thay đổi sách lược, tham dự ĐTSL với tâm thế chủ động phản công trên mặt trận đối ngoại quốc phòng. Cách tiếp cận chủ động, trực diện của Trung Quốc đã khiến quan hệ Mỹ - Trung luôn là một trong những vấn đề được quan tâm nhất, làm nóng và gia tăng đáng kể sức hút của ĐTSL.

3.3. Đánh giá về đặc điểm, thành tựu, hạn chế của Đối thoại Shangri-La

3.3.1. Về thành viên, cấu trúc và cơ chế vận hành của Đối thoại Shangri-La

Thành viên tham gia ĐTSL đa dạng về thành phần và ngày càng tăng về số lượng. Cấu trúc của ĐTSL theo hình thức diễn đàn mở cho tranh luận và thảo luận; tại mỗi kỳ hội nghị, các chương trình nghị sự phong phú và chủ đề thảo luận linh hoạt. ĐTSL vận hành theo cơ chế đối thoại của kênh 1.5 là sự kết hợp giữa kênh 1 gồm các quan chức nhà nước với kênh 2 (hoặc kênh 3) gồm các nhân vật không phải nhà nước.

3.3.2. Thành tựu của Đối thoại Shangri-La và nguyên nhân

ĐTSL đã và đang chứng tỏ được vai trò là một trong những diễn đàn an ninh khu vực cấp cao nhất; góp phần hóa giải các nguy cơ xung đột, duy trì hòa bình và ổn định khu vực và thế giới; xây dựng được lòng tin và góp phần thúc đẩy hợp tác an ninh khu vực; tạo nền tảng để các bên cam kết và hiện thực hóa các sáng kiến hợp tác; tạo cơ hội cho các nước minh bạch hóa và công bố các chính sách mới; thúc đẩy các cơ chế hợp tác quốc phòng-an ninh khác trong khu vực hình thành và phát triển. Điều này xuất phát từ tầm quan

trọng về địa chính trị, địa chiến lược của châu Á- Thái Bình Dương; vai trò quan trọng của các thể chế đa phương trong tạo lập đối thoại giữa các bên; sự tham gia của các nhà lãnh đạo cấp cao từ các nước; nội dung đối thoại chuyên sâu về các vấn đề an ninh mới nhất và nổi bật nhất của khu vực và thế giới; không gian thời gian lâu dài và được tổ chức chuyên nghiệp; tôn trọng và kiên trì trong đối thoại' sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

3.3.3. Hạn chế của Đối thoại Shangri-La và nguyên nhân

ĐTSL chưa thật sự có tính chất rộng rãi và toàn diện; sự chênh lệch trong các quan điểm và khó khăn trong việc đạt được sự thỏa hiệp và đồng thuận giữa các quốc gia về việc giải quyết những thách thức an ninh; quốc gia tham gia không có kế hoạch cụ thể hoặc hành động để thực hiện các cam kết; ĐTSL không thể giải quyết các tranh chấp một cách trực tiếp, có xu hướng bị chính trị hóa và bị can thiệp ngày càng mạnh mẽ. Điều này do ĐTSL thiếu sự đại diện và góc nhìn của một số quốc gia; các quốc gia có thể không chia sẻ thông tin đầy đủ về chính sách an ninh; không có các cam kết ràng buộc; các quốc gia tham gia có xu hướng quan tâm đến lợi ích riêng hơn lợi ích chung; ĐTSL gặp khó khăn trong việc đảm bảo rằng sự hiện diện của các nước lớn sẽ đóng góp vào việc thúc đẩy hòa bình, ổn định và hợp tác an ninh trong khu vực; sự gia tăng số lượng quốc gia tham gia có thể ảnh hưởng sự tập trung của các vấn đề thảo luận.

3.4. Dự báo xu hướng phát triển của Đối thoại Shangri-La

Các kịch bản: (1) ĐTSL phát triển mạnh mẽ, lần át các cơ chế đối thoại, hợp tác quốc phòng - an ninh khác ở khu vực; (2) ĐTSL duy trì quy mô, mức độ và tính chất hợp tác như hiện nay. (3) ĐTSL dần suy giảm sức hút và quy mô hoạt động.

Chương 4. SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC KỲ ĐỐI THOẠI SHANGRI-LA VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

4.1. Quá trình Việt Nam tham gia các kỳ Đối thoại Shangri-La

4.1.1. Giai đoạn “lắng nghe và tham gia” (2002 - 2010)

Việt Nam tham gia ĐTSL với một lộ trình chặt chẽ, thận trọng, từ thăm dò tìm hiểu đến chủ động tham dự. Việt Nam tích cực đóng góp tại ĐTSL và đạt được thành tựu quan trọng, khẳng định và xây dựng hình ảnh Việt Nam là đối tác tin cậy và có trách nhiệm cao; thúc đẩy các hoạt động song phương bên lề với các đối tác nhằm tăng cường quan hệ và xây dựng lòng tin.

4.1.2. Giai đoạn tham gia tích cực, chủ động và có chọn lọc (2011 - 2018)

Việt Nam đã tích cực tham gia ĐTSL với nhiều hoạt động trực tiếp và bên lề để khẳng định vị thế, đóng góp vào việc duy trì hòa bình, ổn định và phát triển khu vực. Đóng góp của Việt Nam tại ĐTSL đã phản ánh sự cam kết đối với hòa bình, ổn định và phát triển khu vực.

4.1.3. Giai đoạn chủ động “đưa ra sáng kiến và kiến tạo nội dung” (2019 - 2025)

Việt Nam để lại nhiều dấu ấn nổi bật. Không chỉ dừng lại ở thể hiện vai trò chủ động tham gia như các giai đoạn trước, Việt Nam bắt đầu tích cực đề xuất công thức giải quyết các vấn đề gai góc về an ninh của khu vực tại các phiên thảo luận và thực hiện nhiều cuộc gặp song phương quan trọng.

4.1.4. Những dấu mốc bước ngoặt và chuyển biến trong hành vi chiến lược của Việt Nam tại Shangri-La

Qua các bài phát biểu tại diễn đàn này, có thể nhận diện được

những cột mốc then chốt đánh dấu bước ngoặt trong cách Việt Nam diễn ngôn hóa chiến lược quốc phòng, xây dựng hình ảnh quốc gia và kiến tạo vị thế khu vực: (i) Bước ngoặt năm 2013 - Định hình “chính sách quốc phòng 4 không”; (ii) Bước ngoặt năm 2023 - Tuyên bố lập trường tự chủ, hòa bình và kiên quyết; (iii) Thống kê giai đoạn hóa: Từ “lắng nghe” đến “kiến tạo”; (iv) Ý nghĩa chiến lược: Từ chiến thuật hiện diện sang chiến lược diễn ngôn.

4.2. Thành tựu, thách thức đối với Việt Nam trong tham gia Đối thoại Shangri-La và nguyên nhân

4.2.1. Thành tựu và nguyên nhân

Sự tham gia của Việt Nam tại ĐTSL góp phần nâng cao vị thế trên trường quốc tế, củng cố và mở rộng các mối quan hệ đối ngoại, quốc phòng và an ninh với nhiều quốc gia; cải thiện khả năng đàm phán và giao thiệp quốc tế; có cơ hội chia sẻ các sáng kiến về quốc phòng - an ninh, góp phần vào việc hình thành các cơ chế hợp tác an ninh khu vực; cập nhật và hiểu rõ hơn về các xu hướng và thách thức an ninh toàn cầu, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề chung. Điều này do thế và lực của Việt Nam ngày càng tăng; Việt Nam triển khai thực hiện đúng, có hiệu quả đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước; chủ động minh bạch hóa chính sách; thể hiện tinh thần hòa hiếu, sẵn sàng đối thoại; sự khéo léo trong xử lý các tình huống ngoại giao phát sinh tại hội nghị trên tinh thần là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước.

4.2.2. Thách thức và nguyên nhân

Sự thay đổi trong chính sách của các nước lớn và sự cạnh tranh trong khu vực; Việt Nam đứng trước những thách thức về ứng xử ngoại giao, nhất là khi quan hệ nước lớn đang có những điều chỉnh chiến lược, buộc các nước nhỏ phải “chọn bên”; việc bảo vệ những

lợi ích then chốt của Việt Nam ở các cơ chế đa phương là điều khó khăn, đòi hỏi phải có những tính toán hợp lý trong các hoạt động ngoại giao để đảm bảo tối đa lợi ích quốc gia-dân tộc; Việt Nam gặp khó khăn trong phát huy vai trò và tầm ảnh hưởng trong các diễn đàn quốc tế. Điều này do việc ĐTSL có xu hướng bị can thiệp ngày càng mạnh mẽ gây ra thách thức trong ứng xử ngoại giao đối với các nước vừa và nhỏ như Việt Nam; các nước ngày càng công khai trong việc đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, bất chấp luật pháp quốc tế, đặt các nước nhỏ đứng trước những thách thức.

4.2.3. Kinh nghiệm từ thực tiễn tham dự Đối thoại Shangri-La của Việt Nam

Thứ nhất, kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển là nền tảng then chốt để nâng cao vị thế quốc tế. Thứ hai, chủ động, tích cực tham gia và phát huy tiếng nói tại các cơ chế đối thoại quốc tế là con đường để nâng tầm ảnh hưởng và bảo vệ lợi ích quốc gia. Thứ ba, nâng cao năng lực đối ngoại quốc phòng, đặc biệt là kỹ năng tranh luận, phản biện và xử lý tình huống ngoại giao đa phương, góp phần bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc. Thứ tư, đẩy mạnh minh bạch hóa chính sách quốc phòng góp phần tạo niềm tin và tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Thứ năm, tiếp tục phát huy vai trò trong nội khối ASEAN, kết hợp linh hoạt giữa lợi ích quốc gia và lợi ích chung.

4.3. Bối cảnh, phương hướng và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la

4.3.1. Bối cảnh trong nước, khu vực và thế giới

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ sau khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử về chính trị, văn hóa - xã hội, kinh tế, quốc phòng - an ninh và

vị thế quốc tế, là tiền đề quan trọng để đất nước ta vững bước tiến vào kỷ nguyên mới. Tuy nhiên, Việt Nam cũng chịu tác động từ những khó khăn, thách thức, đặt ra yêu cầu nâng cao tiềm lực trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giải quyết hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống đang nổi lên.

Tình hình thế giới và khu vực hiện nay và dự báo trong thập niên thứ ba của thế kỷ XXI có những biến đổi phức tạp, nhanh chóng và khó lường. *Một là*, trật tự đa cực đang hình thành ngày càng rõ nét. *Hai là*, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, phức tạp. *Ba là*, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ và sự phụ thuộc của các nước đang phát triển, nước nhỏ vào nước lớn gia tăng. *Bốn là*, nhiều vấn đề có tính toàn cầu nổi lên, tác động mạnh tới nhận thức và quan hệ của các nước. *Năm là*, châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị ngày càng quan trọng trên thế giới, nhưng tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn. *Sáu là*, tại Đông Nam Á, ASEAN tiếp tục phát huy vai trò trung tâm trong thúc đẩy liên kết khu vực, song phải đối mặt với nhiều thách thức.

4.3.2. Phương hướng nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la

Việt Nam cần tiếp tục tham gia hoạt động đối ngoại quốc phòng đa phương, trong đó có ĐTSL. *Một là*, quán triệt và phát huy vai trò của ngoại giao quốc phòng trong đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng và Nhà nước. *Hai là*, chủ động, tích cực tham gia ĐTSL nhằm bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc và minh bạch hóa chính sách quốc phòng. *Ba là*, kết hợp chặt chẽ giữa kiên trì bảo vệ chủ quyền quốc gia với giữ

vững cân bằng chiến lược trong quan hệ với các nước lớn. *Bốn là*, phát huy vai trò của Việt Nam với tư cách là thành viên tích cực, có trách nhiệm của ASEAN và cộng đồng quốc tế. *Năm là*, tận dụng ĐTSL để mở rộng hợp tác quốc phòng, tranh thủ nguồn lực và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam. *Sáu là*, từng bước xây dựng và nâng cao năng lực định hình “diễn ngôn an ninh quốc gia” của Việt Nam tại các diễn đàn đa phương. *Bảy là*, xác định phương hướng để ứng xử phù hợp đối với các kịch bản về xu hướng phát triển của ĐTSL.

4.3.3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại Đối thoại Shangri-la

Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp: (1) Kiên định và vận dụng sáng tạo đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia - dân tộc. (2) Nâng cao chất lượng nội dung, thông điệp và lập trường phát biểu; từng bước tham gia định hình diễn ngôn an ninh và kiến tạo” luật chơi” khu vực. (3) Nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp xúc, kết nối và xử lý quan hệ tại ĐTSL; chuyển hóa kết quả tham dự thành lợi ích thực chất cho đối ngoại quốc phòng và an ninh quốc gia. (4) Xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại quốc phòng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. (5) Tăng cường năng lực nghiên cứu chiến lược, dự báo và truyền thông đối ngoại. (6) Xây dựng các kịch bản dự báo và đề ra giải pháp phù hợp cho Việt Nam ứng với từng xu hướng phát triển của ĐTSL thời gian tới.

KẾT LUẬN

Tính đến nay, sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, ĐTSL đã, đang và sẽ tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những diễn đàn an ninh khu vực cao cấp nhất với sự hiện diện của nhiều cường quốc thế giới, có xu hướng ngày càng mở rộng cả về nội dung và phạm vi tham dự của các nước trong và ngoài khu vực châu Á - Thái Bình Dương. ĐTSL là hình mẫu của ngoại giao quốc phòng, hứa hẹn sẽ là cơ chế đa phương về an ninh và quốc phòng có đầy đủ khả năng trong việc định hình nền tảng an ninh của khu vực trong thời gian tới. Sự tham gia của Việt Nam vào diễn đàn này cũng là bước đi tất yếu trong việc hiện thực hóa chính sách đối ngoại đa phương, đa dạng hóa và đáp ứng xu thế hội nhập, góp phần nâng cao vị thế nước ta trên chính trường khu vực và thế giới.

Việt Nam tham gia ĐTSL có ý nghĩa rất quan trọng, là sự cụ thể hóa và minh chứng sinh động cho sự đổi mới tư duy, tính đúng đắn của các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, góp phần nâng tầm vị thế đối ngoại, bảo đảm lợi ích quốc gia-dân tộc trên trường quốc tế. Tham dự cơ chế này còn là cơ hội để Việt Nam lắng nghe, nghiên cứu và nắm bắt chiến lược của các quốc gia trong khu vực. Đồng thời, diễn đàn này cũng là cơ hội để Việt Nam bày tỏ chính sách quốc phòng theo đường lối của Đảng và Nhà nước trong từng bối cảnh tình hình an ninh của đất nước và khu vực. Thông qua ĐTSL, Việt Nam có thể gửi đi các thông điệp về chủ trương kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam cùng những hành động thiết thực nhằm thể hiện sự tích cực của Việt Nam đóng góp cho hòa bình và ổn định của khu vực và thế giới. Qua đó, từng bước nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trong giải quyết các vấn đề chung của khu vực. Với những nội dung mà Việt

Nam đã đưa ra qua các kỳ ĐTSL hằng năm, các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đã hiểu hơn về chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam.

Thông qua các cuộc đối thoại, gặp gỡ tiếp xúc đa phương và song phương, Việt Nam đã thúc đẩy hợp tác phát triển với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, xây dựng lòng tin chiến lược với các quốc gia trong khu vực vì một châu Á-Thái Bình Dương hòa bình và ổn định lâu dài. Việt Nam sẵn sàng hợp tác với các bên tăng cường xây dựng lòng tin, giảm thiểu bất đồng, tuân thủ luật pháp quốc tế. Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang phát huy vai trò là một thành viên tích cực của ĐTSL, với tiếng nói và những sáng kiến góp phần bảo đảm an ninh, hòa bình và ổn định trong khu vực, truyền tải thông điệp: Với truyền thống hòa hiếu và yêu chuộng hòa bình, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi, cùng nhau xây dựng một môi trường hòa bình, thịnh vượng, hợp tác, phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Cùng với ĐTSL, những năm qua, Việt Nam đã tích cực tham gia nhiều diễn đàn đa phương là những khuôn khổ hợp tác quan trọng về xây dựng lòng tin, thúc đẩy ngoại giao phòng ngừa và tìm kiếm các biện pháp quản lý có hiệu quả xung đột, trong đó phải kể đến Hội nghị an ninh quốc tế Moscow, Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh, Đối thoại quốc phòng Seoul, các cơ chế do ASEAN dẫn dắt như ARF, ADMM, ADMM+... Sự tham gia của Việt Nam không chỉ góp phần vào thành công chung của ĐTSL và những diễn đàn đa phương nói trên mà còn là minh chứng sinh động cho tinh thần trách nhiệm, chủ

động, tích cực tham gia đóng góp, xây dựng, định hình các cơ chế đa phương

Đề thích ứng với tình hình mới có nhiều thời cơ và thách thức đan xen, Việt Nam cần tận dụng tốt các kênh song phương và đa phương, tham gia có hiệu quả vào các cơ chế hợp tác của khu vực và trên thế giới để tăng cường sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với các sự kiện và vấn đề đối ngoại quan trọng của đất nước. Thông qua các diễn đàn đa phương như ĐTSL để đấu tranh phản bác những thông tin sai sự thật, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, nhất là trong vấn đề Biển Đông, dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền. Làm tốt công tác phát ngôn, chủ động cung cấp thông tin, đấu tranh dư luận. Nâng cao vị thế của đất nước thông qua việc nâng tầm đối ngoại đa phương từ “tham gia tích cực” lên “chủ động đóng góp xây dựng, định hình luật chơi chung”, bảo vệ và thúc đẩy hiệu quả các lợi ích chiến lược về an ninh và phát triển của Việt Nam, thể hiện tinh thần “thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”. Đồng thời, Việt Nam cần có sự chuẩn bị tốt về các nguồn lực, xây dựng tầm nhìn, bước đi và cách làm mang tầm chiến lược, để thực sự tận dụng được các cơ hội khi tham dự ĐTSL và các cơ chế đa phương ở khu vực, quốc tế, triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về đối ngoại và đối ngoại quốc phòng, vững vàng bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc từ năm 2026 và những năm tiếp theo.

Những đánh giá nêu trên cho thấy rõ ý nghĩa thực tiễn và tầm quan trọng chiến lược của ĐTSL đối với Việt Nam. Tuy nhiên, dưới góc nhìn học thuật và chính trị học, đề tài này còn cho thấy nhiều điểm mới trong cách tiếp cận lý luận, phương pháp và ứng dụng

chính sách. Luận án xin tổng kết thêm một số đóng góp học thuật - chính sách quan trọng như sau:

1. Đóng góp lý luận mới: Luận án là công trình đầu tiên tại Việt Nam áp dụng phối hợp ba hướng tiếp cận: lý thuyết quốc gia nhỏ, diễn ngôn an ninh và ngoại giao phòng ngừa để phân tích hành vi của Việt Nam trong cơ chế ĐTSL - một thể chế đối thoại Kênh 1.5 đặc thù. Việc vận dụng các lý thuyết này đã giúp chuyển trọng tâm phân tích từ “mức độ tham gia” sang “hình thức, chất lượng và định hướng chiến lược của sự tham gia”. Luận án làm rõ cơ chế diễn ngôn hóa an ninh mà Việt Nam áp dụng để tạo ảnh hưởng trong không gian đa phương và khả năng của quốc gia nhỏ trong kiến tạo chuẩn mực mềm, góp phần vào trật tự khu vực. Đây là hướng tiếp cận mới mẻ trong Chính trị học ở Việt Nam.

2. Đề xuất chính sách có thể ứng dụng trong 1-2 năm tới: Tận dụng ĐTSL như kênh công bố các sáng kiến quốc phòng mềm (ví dụ: diễn đàn quân y, an toàn hàng hải, tín hiệu cảnh báo sớm) để Việt Nam chủ động chiếm lĩnh diễn ngôn về “quốc phòng tự chủ và minh bạch”. Thiết lập cơ chế truyền thông chiến lược bên lề ĐTSL, phối hợp với các tổ chức học giả, báo chí quốc tế để lan tỏa thông điệp chính sách quốc phòng của Việt Nam ra toàn cầu. Đề xuất chủ trì một phiên họp chuyên đề về Biển Đông trong khuôn khổ ĐTSL hoặc kết nối nội dung ĐTSL - ADMM+ để tăng tính tiếp nối thể chế.

3. Giới hạn nghiên cứu và định hướng nghiên cứu tiếp theo: Do giới hạn tiếp cận tài liệu mật và thông tin bên lề, luận án chưa thể phân tích sâu sắc các thảo luận song phương, tiếp xúc hậu trường giữa Việt Nam và các đối tác tại ĐTSL. Luận án mới tập trung vào vai trò Việt Nam trong một diễn đàn (ĐTSL), trong khi chưa phân tích mối liên hệ hệ thống giữa ĐTSL - ADMM+ - ARF - EAS -

CSCAP... Trong tương lai, có thể mở rộng nghiên cứu theo hướng: Phân tích mạng quan hệ và tương tác qua các cơ chế an ninh khu vực, hoặc khai thác hướng tiếp cận mới như chính sách bản sắc, chính sách niềm tin chiến lược của quốc gia nhỏ trong môi trường cạnh tranh nước lớn.

Tóm lại, từ cách tiếp cận liên ngành kết hợp giữa lý thuyết quốc gia nhỏ, diễn ngôn an ninh và ngoại giao phòng ngừa, luận án đã góp phần lý giải cách một quốc gia như Việt Nam có thể chủ động, sáng tạo và kiến tạo vị thế trong trật tự khu vực đang biến đổi nhanh chóng. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng phức tạp, Việt Nam không chỉ cần tham gia, mà cần chủ động định hình không gian đối thoại đa phương trên tinh thần trách nhiệm, tự chủ và kiến tạo. ĐTSL là một minh chứng sinh động cho bản lĩnh đó - vừa thể hiện bản sắc chiến lược quốc gia, vừa mở ra dư địa ảnh hưởng mềm trong cấu trúc quyền lực đang dịch chuyển của châu Á - Thái Bình Dương.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Dương Quý Nam (2023), “An ninh khu vực và toàn cầu - Nhìn từ Đối thoại Shangri-La 20”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân* (7), tr. 84-86.

2. Dương Quý Nam (2024), “Hiện thực hóa Sáng kiến Cộng đồng Tình báo Quân sự/Quốc phòng ASEAN - Một bước tiến lớn trong hợp tác chính trị - an ninh của ASEAN”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (68), tr. 5-10.

3. Duong Quy Nam, Tran Thi Quang Hoa (2024), “Shangri-La Dialogue: Formation, Contents, Roles, and Vietnam’s Participation”, *International Institutions in East Asia: Revisited from Korean and Vietnamese Perspectives*, Labour Publishing House, tr. 86-103.

4. Dương Quý Nam (2025), “An ninh phi truyền thống và các vấn đề đặt ra cho đối ngoại Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Đối ngoại và Ngoại giao Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc”*, tr. 90-94.

5. Dương Quý Nam (2025), “Đối thoại Shangri-La 22: Dấu ấn Việt Nam trong kiến tạo lòng tin, thúc đẩy hợp tác ở khu vực”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (70), tr. 03-10.

6. Duong Quy Nam (2025), “Shangri-La Dialogue: Important contributions to regional and global security, politics and Vietnam’s participation”, *The Third International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, VNU Press, Hanoi, tr. 22-35.